

## KHUNG KẾ HOẠCH THỰC HIỆN CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC TỈNH HẢI DƯƠNG NĂM 2024

(Ban hành kèm theo Kế hoạch số: /KH-UBND ngày tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương)

| STT | 1. NHIỆM VỤ  | 2. HOẠT ĐỘNG  | 3. SẢN PHẨM               | 4. CƠ QUAN CHỦ TRÌ | 5. CƠ QUAN PHỐI HỢP  | 6. THỜI GIAN HOÀN THÀNH                   |
|-----|--|---|---------------------------|--------------------|--|---|
| I   | <b>CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH</b>   |   |                           |                    |  |   |
| 1   | <b>1.1. Nhiệm vụ 1:</b><br>Ban hành các văn bản lãnh đạo, chỉ đạo của UBND tỉnh về công tác CCHC trên địa bàn tỉnh | <b>2.1. Hoạt động 1:</b><br>Xây dựng Kế hoạch CCHC nhà nước tỉnh Hải Dương năm 2024   | Kế hoạch của UBND tỉnh    | Sở Nội vụ          | Các sở, ban, ngành liên quan   | Quý IV/2023                               |
| 2   | <b>1.2. Nhiệm vụ 2:</b><br>Định kỳ tổng hợp kết quả thực hiện công tác CCHC trên địa bàn tỉnh theo quy định        | <b>2.2. Hoạt động 2:</b><br>Ban hành Báo cáo quý I, 6 tháng, quý III và năm 2024 về thực hiện công tác CCHC trên địa bàn tỉnh                               | Các Báo cáo của UBND tỉnh | Sở Nội vụ          | Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện   | Trước ngày 20 của tháng cuối quý năm 2024 |
| 3   | <b>1.3. Nhiệm vụ 3:</b><br>Ban hành các văn bản về công tác tuyên truyền CCHC trên địa bàn tỉnh                    | <b>2.3. Hoạt động 3:</b><br>Xây dựng kế hoạch tuyên truyền CCHC tỉnh Hải Dương năm 2024   | Kế hoạch của UBND tỉnh    | Sở Nội vụ          | Đài PTTH tỉnh; Báo Hải Dương; các cơ quan thông tin đại chúng, các tổ chức đoàn thể, các cơ quan, đơn vị | Quý I/2024                                |
| 4   |  | <b>2.4. Hoạt động 4:</b><br>Xây dựng Chương trình phối hợp giữa cơ quan QLNN với các cơ quan thông tin, truyền thông của tỉnh về công tác tuyên truyền CCHC | Chương trình phối hợp     | Sở Nội vụ          | Đài PTTH tỉnh; Báo Hải Dương   | Quý I/2024                                |

|    |  |   |  |                              |  |                  |
|----|--|---|--|------------------------------|--|------------------|
| 5  | <b>1.4. Nhiệm vụ 4:</b><br>Tăng cường áp dụng công nghệ thông tin, công nghệ số trong công tác tuyên truyền CCHC | <b>2.5. Hoạt động 5:</b><br>Đăng tải các tin, bài về công tác CCHC trên các website điện tử                 | Các tin, bài trên Cổng TTĐT của tỉnh, Cổng dịch vụ công của tỉnh | Sở Thông tin và Truyền thông | Sở Nội vụ;<br>Văn phòng UBND tỉnh  | Thường xuyên     |
| 6  | <b>1.5. Nhiệm vụ 5:</b><br>Đa dạng hóa công tác tuyên truyền CCHC  | <b>2.6. Hoạt động 6:</b><br>Tổ chức cuộc thi trực tuyến tìm hiểu về cải cách hành chính năm 2024            | Kế hoạch, Quyết định của UBND tỉnh                               | Sở Nội vụ                    | Đài PTTH tỉnh;<br>Báo Hải Dương<br>Các sở, ban, ngành;<br>UBND cấp huyện | Quý II, III/2024 |
| 7  | <b>1.6. Nhiệm vụ 6:</b><br>Ban hành các văn bản triển khai công tác kiểm tra CCHC trên địa bàn tỉnh              | <b>2.7. Hoạt động 7:</b><br>Xây dựng Kế hoạch kiểm tra CCHC trên địa bàn tỉnh năm 2024                      | Kế hoạch của UBND tỉnh   | Sở Nội vụ                    | Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện                                       | Quý III/2024     |
| 8  |  | <b>2.8. Hoạt động 8:</b><br>Ban hành Quyết định thành lập Đoàn kiểm tra CCHC trên địa bàn tỉnh năm 2024     | Quyết định của UBND tỉnh   | Sở Nội vụ                    | Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện                                       | Quý III/2024     |
| 9  | <b>1.7. Nhiệm vụ 7:</b><br>Đánh giá kết quả kiểm tra thực hiện công tác CCHC của các cơ quan, đơn vị             | <b>2.9. Hoạt động 9:</b><br>Thông báo Kết luận của Đoàn kiểm tra đối với từng cơ quan, đơn vị được kiểm tra | Kết luận của các Đoàn kiểm tra của tỉnh                          | Sở Nội vụ                    | Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện                                       | Quý IV/2024      |
| 10 |  | <b>2.10. Hoạt động 10:</b><br>Báo cáo kết quả kiểm tra thực hiện công tác CCHC trên địa bàn tỉnh năm 2024   | Báo cáo của UBND tỉnh  | Sở Nội vụ                    | Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện                                       | Quý IV/2024      |

|    |   |   |  |                |  |                            |
|----|---|---|--|----------------|--|----------------------------|
| 11 | <b>1.8. Nhiệm vụ 8:</b><br>Ban hành các văn bản triển khai Đo lường mức độ hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ hành chính      | <b>2.11. Hoạt động 11:</b><br>Xây dựng Kế hoạch Điều tra xã hội học khảo sát sự hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của các cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh năm 2024   | Kế hoạch của UBND tỉnh                                 | Sở Nội vụ      | Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện       | Quý IV/2024                |
| 12 |   | <b>2.12. Hoạt động 12:</b><br>Thực hiện khảo sát và công bố Chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của các cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh (chỉ số SIPAS) năm 2024 | Quyết định của UBND tỉnh                               | Sở Nội vụ      | Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện       | Quý IV/2024-<br>Quý I/2025 |
| 13 | <b>1.9. Nhiệm vụ 9:</b><br>Tiếp tục thực hiện việc đánh giá kết quả cải cách hành chính tại các sở, ban, ngành và UBND cấp huyện, UBND cấp xã | <b>2.13. Hoạt động 13:</b><br>Xây dựng và Ban hành Kế hoạch điều tra xã hội học xác định Chỉ số cải cách hành chính của các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân cấp huyện năm 2024                    | Quyết định của Hội đồng đánh giá, xác định chỉ số CCHC | Sở Nội vụ      | Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện       | Quý IV/2024                |
| 14 |   | <b>2.14. Hoạt động 14:</b><br>Thực hiện đánh giá và công bố chỉ số đánh giá kết quả cải cách hành chính tại các sở, ban, ngành và UBND cấp huyện năm 2024   | Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh                      | Sở Nội vụ      | Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện       | Quý IV/2024-<br>Quý I/2025 |
| 15 |   | <b>2.15. Hoạt động 15:</b><br>Thực hiện đánh giá và công bố chỉ số cải cách hành chính tại UBND cấp xã  | Quyết định của Chủ tịch UBND cấp huyện                 | UBND cấp huyện | Sở Nội vụ; UBND cấp huyện và UBND cấp xã | Quý IV/2024-<br>Quý I/2025 |

| II | CẢI CÁCH THỂ CHẾ  |   |   |  |                                      |                   |
|----|---|---|---|--|--------------------------------------|-------------------|
| 16 | <p><b>1.1: Nhiệm vụ 1:</b><br/>Nâng cao chất lượng công tác xây dựng văn bản QPPL; ban hành đầy đủ, kịp thời các văn bản QPPL phục vụ cho yêu cầu quản lý nhà nước và bảo đảm phù hợp với tình hình thực tiễn tại địa phương.</p> | <p><b>2.1. Hoạt động 1:</b><br/>Xây dựng Kế hoạch công tác xây dựng, kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa VBQPPL và thực hiện Đề án nâng cao chất lượng công tác xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm giai đoạn 2022-2025 năm 2024</p>   | <p>Kế hoạch công tác xây dựng, kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa VBQPPL và thực hiện Đề án nâng cao chất lượng công tác xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật giai đoạn 2022-2024 năm 2024</p> | <p>Sở Tư pháp và các sở, ngành, UBND cấp huyện</p> | <p>Các sở, ngành, UBND cấp huyện</p> | <p>Quý I/2024</p> |
| 17 |   | <p><b>2.2. Hoạt động 2:</b><br/>Tổ chức các hoạt động truyền thông chính sách trong quá trình xây dựng văn bản QPPL theo quy định tại Điều 7 Quyết định 08/2023/QĐ-UBND ngày 19/01/2023 của UBND tỉnh Quy định một số nội dung về xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương .</p> | <p>Văn bản chỉ đạo, hướng dẫn triển khai thực hiện</p>  | <p>Sở Tư pháp</p>                                  | <p>Các sở, ngành, UBND cấp huyện</p> | <p>Quý I/2024</p> |
| 18 |   | <p><b>2.3: Hoạt động 3:</b><br/>Ban hành đầy đủ các văn bản quy phạm pháp luật được giao quy định chi tiết trong các văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan cấp trên</p>  | <p>Các văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết</p>   | <p>Các sở, ngành, UBND cấp huyện</p>               | <p>Các sở, ngành, UBND cấp huyện</p> | <p>Cả năm</p>     |

|    |  |   |   |  |                               |                               |
|----|--|---|---|--|-------------------------------|-------------------------------|
| 19 |  | <b>2.4. Hoạt động 4:</b><br>Tiến hành tự kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành.  | Báo cáo kết quả tự kiểm tra văn bản QPPL  | Sở Tư pháp   | Các sở, ngành,                | Quý I và Quý III/2024         |
| 20 | <b>1.2. Nhiệm vụ 2:</b><br>Tăng cường kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật, kịp thời phát hiện và xử lý các quy định chồng chéo, mâu thuẫn, trái pháp luật, hết hiệu lực hoặc không còn phù hợp, bảo đảm đồng bộ, thống nhất, tạo cơ sở pháp lý thực hiện nhiệm vụ xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa | <b>2.5. Hoạt động 5:</b><br>Tiến hành kiểm tra theo thẩm quyền việc ban hành văn bản QPPL của HĐND, UBND cấp huyện  | Thông báo kết quả kiểm tra theo thẩm quyền văn bản QPPL   | Sở Tư pháp   | Các sở, ngành,                | Quý I và Quý III/2024         |
| 21 |  | <b>2.6. Hoạt động 6:</b><br>Thực hiện rà soát, công bố văn bản hết hiệu lực, ngưng hiệu lực năm 2023.   | Quyết định công bố và Danh mục văn bản hết hiệu lực, ngưng hiệu lực năm 2023                                  | Sở Tư pháp và các sở, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố (gọi tắt là UBND cấp huyện) | Các sở, ngành, UBND cấp huyện | Quý I/2024                    |
| 22 |  | <b>2.7. Hoạt động 7:</b><br>Rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật kỳ 2019-2023   | Quyết định công bố và các danh mục văn bản còn hiệu lực, hết hiệu lực, đề nghị sửa đổi, bổ sung, ban hành mới | Sở Tư pháp và các sở, ngành, UBND cấp huyện  | Các sở, ngành, UBND cấp huyện | Quý I/2024                    |
| 23 |  | <b>1.3. Nhiệm vụ 3:</b><br>Nâng cao năng lực xây dựng pháp luật cho đội ngũ cán bộ làm công tác pháp chế, xây dựng văn bản QPPL các sở, ngành, địa phương | <b>2.8. Hoạt động 8:</b><br>Tổ chức lớp tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ xây dựng văn bản QPPL                   | Kế hoạch, Hội nghị (lớp tập huấn)  | Sở Tư pháp                    | Các sở, ngành, UBND cấp huyện |

|    |   |  |  |   |                               |              |
|----|---|--|--|---|-------------------------------|--------------|
| 24 | <p><b>1.4. Nhiệm vụ 4:</b><br/>Tổ chức triển khai có hiệu quả công tác tổ chức thi hành pháp luật và theo dõi, đánh giá tình hình thi hành pháp luật hàng năm tại các sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh.</p> | <p><b>2.9: Hoạt động 9:</b><br/>Xây dựng và triển khai thực hiện Kế hoạch công tác theo dõi thi hành pháp luật hàng năm</p>  | Kế hoạch và các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện công tác theo dõi thi hành pháp luật hàng năm | Sở Tư pháp và các sở, ngành, UBND cấp huyện | Các sở, ngành, UBND cấp huyện | Cả năm       |
| 25 |   | <p><b>2.10: Hoạt động 10:</b><br/>Tổ chức lớp tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ công tác theo dõi thi hành pháp luật</p>   | Kế hoạch, Hội nghị (lớp tập huấn)  | Sở Tư pháp                                  | Các sở, ngành, UBND cấp huyện | Quý III/2024 |
| 26 |   | <p><b>2.11: Hoạt động 11:</b><br/>Thực hiện hiệu quả công tác phổ biến, giáo dục pháp luật thông qua tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và số hóa công tác phổ biến, giáo dục pháp luật.</p>  | Kế hoạch, Báo cáo kết quả triển khai thực hiện công tác phổ biến, giáo dục pháp luật               | Sở Tư pháp và các sở, ngành, UBND cấp huyện | Các sở, ngành, UBND cấp huyện | Cả năm       |
| 27 |   | <p><b>2.12: Hoạt động 12:</b><br/>Thực hiện các biện pháp khuyến khích, động viên, tạo điều kiện thuận lợi để người dân, doanh nghiệp, các tổ chức chính trị - xã hội, xã hội - nghề nghiệp và cộng đồng trong phản biện và giám sát thi hành pháp luật.</p> | Kế hoạch, Báo cáo kết quả khảo sát tình hình thi hành pháp luật hoặc tài liệu liên quan            | Sở Tư pháp và các sở, ngành, UBND cấp huyện | Các sở, ngành, UBND cấp huyện | Cả năm       |
| 28 |   | <p><b>2.13: Hoạt động 13:</b><br/>Kiểm tra, theo dõi, đánh giá việc thực hiện trách nhiệm quản lý nhà nước trong công tác tổ chức thi hành pháp luật.</p>  | Kết luận kiểm tra, Báo cáo kết quả công tác theo dõi thi hành pháp luật                            | Sở Tư pháp và các sở, ngành, UBND cấp huyện | Các sở, ngành, UBND cấp huyện | Cả năm       |

|            |   |   |   |  |                                 |              |
|------------|---|---|---|--|---------------------------------|--------------|
| 29         | <b>1.5. Nhiệm vụ 5:</b><br>Hoàn thiện thể chế về cơ chế, chính sách nhằm hỗ trợ, tạo điều kiện thu hút các doanh nhân giỏi, nhà đầu tư, doanh nghiệp trong và ngoài nước đầu tư vào tỉnh Hải Dương; chính sách hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa.  | <b>2.14: Hoạt động 14:</b><br>Rà soát, ban hành các cơ chế, chính sách hỗ trợ, thu hút các nhà đầu tư, doanh nghiệp trong và ngoài nước đầu tư vào tỉnh Hải Dương; chính sách hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa.   | Các Nghị quyết của HĐND tỉnh, Quyết định của UBND tỉnh được ban hành mới hoặc sửa đổi, bổ sung; | Sở Kế hoạch và Đầu tư  | Các sở, ngành, UBND cấp huyện   | Cả năm       |
| 30         | <b>1.6. Nhiệm vụ 6:</b><br>Hoàn thiện cơ chế, chính sách phát triển nguồn nhân lực, thu hút, trọng dụng nhân tài; phát triển giáo dục - đào tạo, khoa học và công nghệ; văn hóa, thông tin, truyền thông, thể thao, y tế, an sinh xã hội, bảo vệ môi trường; phát triển kinh tế xanh, kinh tế số, kinh tế tuần hoàn; tư pháp, quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội. | <b>2.15: Hoạt động 15:</b><br>Rà soát, ban hành các cơ chế, chính sách hỗ trợ, thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao, phát triển giáo dục - đào tạo, khoa học và công nghệ, văn hóa, thông tin, truyền thông, thể thao, y tế, an sinh xã hội, bảo vệ môi trường; phát triển kinh tế xanh, kinh tế số, kinh tế tuần hoàn; tư pháp, quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội. | Các Nghị quyết của HĐND tỉnh, Quyết định của UBND tỉnh được ban hành mới hoặc sửa đổi, bổ sung; | Sở Nội vụ, Sở Giáo dục và Đào tạo; Sở Khoa học và Công nghệ; Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch; Sở Thông tin và Truyền thông; Sở Y tế; Sở Lao động, Thương binh và xã hội; Sở Tài nguyên và Môi trường; Sở Tư pháp | Các sở, ngành, UBND cấp huyện   | Cả năm       |
| <b>III</b> | <b>CẢI CÁCH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH</b>  |   |   |  |                                 |              |
| 31         | <b>1.1. Nhiệm vụ 1:</b><br>Kiểm soát chặt chẽ việc ban hành thủ tục hành chính  | <b>2.1. Hoạt động 1</b><br>Đánh giá tác động thủ tục hành chính   | Công văn, biểu đánh giá tác động  | Các sở, ban, ngành   | Văn phòng UBND tỉnh, Sở Tư pháp | Thường xuyên |
| 32         |   | <b>2.2. Hoạt động 2</b><br>Thẩm định chất lượng kết quả đánh giá tác động/đánh giá tác động độc lập   | Công văn  | Văn phòng UBND tỉnh  | Các sở, ban, ngành              | Thường xuyên |

|    |  |   |            |   |   |               |
|----|--|---|------------|---|---|---------------|
| 33 | <b>1.2. Nhiệm vụ 2:</b><br>Xây dựng Kế hoạch rà soát đơn giản hóa thủ tục hành chính | <b>2.3. Hoạt động 3:</b><br>Ban hành Kế hoạch kiểm soát thủ tục hành chính                            | Quyết định | Văn phòng UBND tỉnh                                   | Các sở, ngành, UBND các cấp                           | Quý I/2024    |
| 34 |  | <b>2.4. Hoạt động 4:</b><br>Triển khai thực hiện Kế hoạch   | Công văn   | Văn phòng UBND tỉnh                                   | Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện, UBND cấp xã       | Quý I/2024    |
| 35 | <b>1.3. Nhiệm vụ 3:</b><br>Rà soát, công bố thủ tục hành chính                       | <b>2.4. Hoạt động 5</b><br>Xây dựng Kế hoạch rà soát, đơn giản hóa TTHC                               | Kế hoạch   | Văn phòng UBND tỉnh                                   | Các Sở, ban, ngành, UBND cấp huyện                    | Quý I/2024    |
| 36 |  | <b>2.6. Hoạt động 6:</b><br>Thực hiện rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính                        | Công văn   | Các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố | Văn phòng UBND tỉnh                                   | Thường xuyên  |
| 37 |  | <b>2.7. Hoạt động 7</b><br>Thẩm định kết quả rà soát, đơn giản hóa TTHC các sở, ngành, UBND cấp huyện | Công văn   | Văn phòng UBND tỉnh                                   | Các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố | Thường xuyên  |
| 38 |  | <b>2.8. Hoạt động 8</b><br>Thông qua phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính                        | Quyết định | Văn phòng UBND tỉnh                                   | Các sở, ban ngành, UBND cấp huyện, UBND cấp xã        | Quý IV/2024   |
| 39 |  | <b>2.9. Hoạt động 9</b><br>Rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính nội bộ                            | Báo cáo    | Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện                    | Văn phòng UBND tỉnh                                   | Tháng 12/2024 |
| 40 |  | <b>2.10. Nhiệm vụ 10</b><br>Thông qua phương án đơn giản hóa TTHC                                     | Quyết định | Văn phòng UBND tỉnh                                   | Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện                    | Tháng 12/2024 |



|           |  |   |   |  |   |  |
|-----------|--|---|---|--|---|--|
| 41        | <b>1.4. Nhiệm vụ 4:</b><br>Công bố thủ tục hành chính  | <b>2.11. Hoạt động 11:</b><br>Dự thảo Quyết định công bố thủ tục hành chính   | Dự thảo Quyết định  | Các Sở, ban ngành  | Văn phòng UBND tỉnh                               | Thường xuyên   |
| 42        |  | <b>2.12. Hoạt động 12</b><br>Công bố Thủ tục hành chính   | Quyết định  | Văn phòng UBND tỉnh  | Sở, ban, ngành                                    | Thường xuyên   |
| 43        | <b>1.5. Nhiệm vụ 5:</b><br>Cập nhật, công khai thủ tục hành chính  | <b>2.13. Hoạt động 13:</b><br>Cập nhật, công khai thủ tục hành chính trên CSDLQG, Cổng dịch vụ công, Trang thông tin điện tử các sở, ban, ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố, tại Bộ phận Một cửa các cấp | Thủ tục hành chính công khai trên CSDLQG, Cổng dịch vụ công, Trang thông tin điện tử các sở, ban, ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố, Bộ phận Một cửa các cấp | Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố và UBND các xã, phường, thị trấn | Văn phòng UBND tỉnh, Sở Thông tin và Truyền thông | Thường xuyên   |
| 44        | <b>1.6. Nhiệm vụ 6</b><br>Hoàn thành việc đổi mới cơ chế một cửa, một cửa liên thông                               | <b>3.14. Hoạt động 14</b><br>Xây dựng Đề án đổi mới Bộ phận Một cửa   | Quyết định  | Văn phòng UBND tỉnh  | Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện                | Năm 2024   |
| <b>IV</b> | <b>CẢI CÁCH TỔ CHỨC BỘ MÁY HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC</b>   |   |   |  |   |  |
| 45        | <b>1.1. Nhiệm vụ 1:</b><br>Rà soát, sắp xếp tổ chức bộ máy gắn với cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức | <b>2.1. Hoạt động 1:</b><br>Ban hành Quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh  | Các Quyết định của UBND tỉnh  | Sở Nội vụ  | Các sở, ban, ngành                                | Thường xuyên (khi có Thông tư hướng dẫn mới của Bộ, ngành) |

|          |   |  |                                 |                       |                                       |  |
|----------|---|--|---------------------------------|-----------------------|---------------------------------------|--|
| 46       | <b>1.2. Nhiệm vụ 2:</b><br>Tiếp tục tham mưu, triển khai thực hiện Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2020 của Chính quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập | <b>2.2. Hoạt động 2:</b><br>Thực hiện sắp xếp tổ chức bên trong các đơn vị sự nghiệp công lập  | Quyết định của UBND tỉnh        | Sở Nội vụ (thẩm định) | Các sở, ban, ngành (trình Quyết định) | Quý I-II/2024  |
| 47       |   | <b>2.3. Hoạt động 3:</b><br>Thực hiện xếp hạng các đơn vị sự nghiệp công lập   | Quyết định của UBND tỉnh        | Sở Nội vụ             | Các sở, ban, ngành                    | Thường xuyên (khi có Thông tư hướng dẫn mới của Bộ, ngành) |
| 48       | <b>1.3. Nhiệm vụ 3:</b><br>Giao biên chế các cơ quan, đơn vị trong tỉnh năm 2025  | <b>2.4. Hoạt động 4:</b><br>Ban hành Quyết định giao biên chế hành chính và số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập tỉnh Hải Dương năm 2025  | Quyết định của UBND tỉnh        | Sở Nội vụ             | Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện    | Quý IV/2024  |
| 49       | <b>1.4. Nhiệm vụ 4:</b><br>Triển khai thực hiện Nghị quyết của Chính phủ về đẩy mạnh phân cấp quản lý nhà nước theo ngành, lĩnh vực trên địa bàn tỉnh   | <b>2.5. Hoạt động 5:</b><br>Xây dựng nội dung kiểm tra phân cấp trong Kế hoạch kiểm tra CCHC trên địa bàn tỉnh năm 2024  | Kế hoạch của UBND tỉnh          | Sở Nội vụ             | Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện    | Quý III/2024   |
| 50       | <b>1.5. Nhiệm vụ 5:</b><br>Thực hiện lộ trình Kế hoạch giảm biên chế công chức trong cơ quan hành chính nhà nước; số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập giai đoạn 2022-2026         | <b>2.6. Hoạt động 6:</b><br>Cắt giảm biên chế công chức và số lượng người làm việc năm 2025 đảm bảo theo Kế hoạch đã xây dựng  | Nghị quyết HĐND tỉnh            | Sở Nội vụ             | Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện    | Quý IV/2024  |
| <b>V</b> | <b>CẢI CÁCH CHẾ ĐỘ CÔNG VỤ</b>  |  |                                 |                       |                                       |  |
| 51       | <b>1.1. Nhiệm vụ 1:</b><br>Phê duyệt vị trí việc làm của các cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp trực thuộc theo Nghị định số 62/2020/NĐ-CP và Nghị định số 106/2020/NĐ-CP về vị trí việc làm          | <b>2.1. Hoạt động 1:</b><br>Thẩm định Vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức đối với các cơ quan hành chính trên địa bàn tỉnh; Đề án vị trí việc làm và chức danh nghề nghiệp viên chức đối với các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh | Báo cáo thẩm định của Sở Nội vụ | Sở Nội vụ             | Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện    | Quý I/2024   |

|    |  |  |                          |           |   |            |
|----|--|--|--------------------------|-----------|---|------------|
| 52 |  | <b>2.2. Hoạt động 2:</b><br>Phê duyệt Vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức đối với các cơ quan hành chính trên địa bàn tỉnh;  | Quyết định của UBND tỉnh | Sở Nội vụ | Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện                                  | Quý I/2024 |
| 53 |  | <b>2.3. Hoạt động 3:</b><br>Phê duyệt Vị trí việc làm và chức danh nghề nghiệp viên chức đối với các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh   | Quyết định của UBND tỉnh | Sở Nội vụ | Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện<br>Các đơn vị sự nghiệp công lập | Quý I/2024 |
| 54 | <b>1.2. Nhiệm vụ 2:</b><br>Sửa đổi, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật, các văn bản chỉ đạo về xây dựng, quản lý, sử dụng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức theo quy định | <b>2.4. Hoạt động 4:</b><br>Sửa đổi, bổ sung Quyết định số 46/2020/QĐ-UBND ngày 24/9/2020 của UBND tỉnh ban hành Quy định về luân chuyển vị trí công tác đối với công chức lãnh đạo, quản lý trong các cơ quan hành chính Nhà nước và người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập thuộc sở và UBND cấp huyện  | Quyết định của UBND tỉnh | Sở Nội vụ | Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện                                  | Năm 2024   |
| 55 |  | <b>2.5. Hoạt động 5:</b><br>Sửa đổi, bổ sung Quyết định số 26/2023/QĐ-UBND ngày 02/8/2023 Ban hành quy định về tiêu chuẩn, điều kiện, số lượng và trình tự bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, kéo dài thời gian giữ chức vụ đối với công chức lãnh đạo, quản lý cấp phòng và tương đương trong các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp huyện | Quyết định của UBND tỉnh | Sở Nội vụ | Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện                                  | Năm 2024   |

|    |   |   |  |           |   |            |
|----|---|---|--|-----------|---|------------|
| 56 | <b>1.3. Nhiệm vụ 3:</b><br>Tổ chức tuyển dụng công chức (tiếp nhận các trường hợp đặc biệt vào làm công chức không qua thi tuyển) sau khi có ý kiến đồng ý của Chủ tịch UBND tỉnh   | <b>2.6. Hoạt động 6:</b><br>Thực hiện tuyển dụng công chức  | Quyết định của Sở Nội vụ                     | Sở Nội vụ | Các sở, ngành, UBND cấp huyện                         | Năm 2024   |
| 57 | <b>1.4. Nhiệm vụ 4:</b><br>Phê duyệt Đề án, kế hoạch tuyển dụng viên chức các đơn vị sự nghiệp  | <b>2.7. Hoạt động 7:</b><br>Thông báo phê duyệt tuyển dụng viên chức các đơn vị sự nghiệp công lập năm 2024                                       | Thông báo phê duyệt của Sở Nội vụ            | Sở Nội vụ | Các đơn vị sự nghiệp                                  | Năm 2024   |
| 58 | <b>1.5. Nhiệm vụ 5:</b><br>Tiếp tục nâng cao công tác bồi dưỡng, tập huấn đối với cán bộ, công chức, viên chức theo quy định  | <b>2.8. Hoạt động 8:</b><br>Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức và cán bộ, công chức cấp xã tỉnh Hải Dương năm 2024                   | Kế hoạch của UBND tỉnh                       | Sở Nội vụ | Các sở, ngành, UBND cấp huyện và các đơn vị liên quan | Quý I/2024 |
| 59 | <b>1.6. Nhiệm vụ 6:</b><br>Tổ chức xét thăng hạng, xét chuyển chức danh nghề nghiệp viên chức theo quy định   | <b>2.9. Hoạt động 9:</b><br>Ban hành Kế hoạch xét thăng hạng, xét chuyển chức danh nghề nghiệp viên chức  | Kế hoạch của UBND tỉnh; Quyết định Sở Nội vụ | Sở Nội vụ | Các đơn vị sự nghiệp công lập có liên quan            | Năm 2024   |
| 60 | <b>1.7. Nhiệm vụ 7:</b><br>Tăng cường theo dõi, đôn đốc, kiểm tra trách nhiệm trong xử lý công việc của các cơ quan, địa phương theo Công điện số 280/CD-TTg ngày 19/4/2023 của Thủ tướng Chính phủ; tiếp tục chấn chỉnh, tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong cơ quan hành chính nhà nước các cấp theo Công điện số 968/CD-TTg ngày 16/10/2023 của Thủ tướng Chính phủ | <b>2.10. Hoạt động 10:</b><br>Ban hành Quyết định về kiểm tra, thanh tra chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính; chế độ công vụ trên địa bàn tỉnh | Kế hoạch; Quyết định của Sở Nội vụ           | Sở Nội vụ | Các đơn vị liên quan                                  | Năm 2024   |

| VI | <b>CẢI CÁCH TÀI CHÍNH CÔNG</b>   |   |  |  |  |          |
|----|--|---|--|--|--|----------|
| 61 | <b>1.1. Nhiệm vụ 1:</b><br>Chủ động tổ chức điều hành ngân sách gắn với định hướng phát triển kinh tế xã hội địa phương đảm bảo tính ổn định, bền vững của ngân sách địa phương trên cơ sở bám sát điều hành của Chính phủ, hướng dẫn của các bộ, ngành trung ương; phân đấu hoàn thành, hoàn thành vượt mức dự toán ngân sách được giao; Nâng cao hiệu quả phân bổ và sử dụng các nguồn lực tài chính; Thực hiện phân bổ ngân sách nhà nước tập trung, sử dụng hiệu quả; đẩy nhanh tiến độ giải ngân vốn đầu tư công. | <b>2.1. Hoạt động 1:</b><br>Giao dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, thu chi ngân sách địa phương năm 2024   | Nghị quyết của HĐND tỉnh, Quyết định của UBND tỉnh | Sở Tài chính   | Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố và các cơ quan đơn vị có liên quan | Năm 2023 |
| 62 |  | <b>2.2. Hoạt động 2:</b><br>Hướng dẫn thực hiện dự toán ngân sách nhà nước năm 2024   | Công văn hướng dẫn của Sở Tài chính                | Sở Tài chính   |  |          |
| 63 |  | <b>2.3. Hoạt động 3:</b><br>Báo cáo tình hình thực hiện dự toán NSDP hàng quý, 06 tháng, 09 tháng, cả năm 2024 và các giải pháp điều hành ngân sách các quý tiếp theo   | Báo cáo Sở Tài chính, UBND tỉnh                    | Sở Tài chính   | Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố và các cơ quan đơn vị có liên quan | Năm 2024 |
| 64 | <b>1.2. Nhiệm vụ 2:</b><br>Đánh giá kết quả thực hiện cơ chế tự chủ đối với các cơ quan nhà nước, đối với đơn vị sự nghiệp công lập  | <b>2.4. Hoạt động 4:</b><br>Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố định kỳ hàng năm báo cáo kết quả thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế, kinh phí quản lý hành chính đối với cơ quan nhà nước của cơ quan đơn vị mình và cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc gửi Sở Tài chính. | Báo cáo kết quả của các cơ quan đơn vị             | Cơ quan HCNN, ĐVSN được giao thực hiện cơ chế tự chủ | Các sở, ngành, cơ quan quản lý cấp trên thuộc tỉnh                               | Hàng năm |
| 65 |  | <b>2.5. Hoạt động 5:</b><br>Sở Tài chính định kỳ hàng năm tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế, kinh phí quản lý hành chính đối với cơ quan nhà nước và cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh báo cáo UBND tỉnh, Bộ Tài chính                                    | Báo cáo kết quả của Sở Tài chính                   | Sở Tài chính   | Các sở, ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố                               | Hàng năm |

|            |   |   |   |                              |  |                       |
|------------|---|---|---|------------------------------|--|-----------------------|
| 66         |   | <p><b>2.6. Hoạt động 6:</b><br/>Căn cứ Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành chương trình tổng thể về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các sở ngành, đơn vị có liên quan xây dựng kế hoạch thực hiện chương trình thực hành tiết kiệm chống lãng phí trên địa bàn tỉnh trình UBND tỉnh phê duyệt.</p>          | Quyết định của UBND tỉnh                                      | Sở Tài chính                 | Các sở, ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố | Hàng năm              |
| 67         | <p><b>1.3. Nhiệm vụ 3:</b><br/>Xây dựng kế hoạch thực hiện chương trình thực hành chống lãng phí của tỉnh năm 2024; Báo cáo kết quả thực hành tiết kiệm chống lãng phí năm 2023</p> | <p><b>2.7. Hoạt động 7:</b><br/>Căn cứ báo cáo của các sở, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố, các cơ quan đơn vị có liên quan về kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2023, Sở Tài chính chủ trì, tổng hợp kết quả thực hiện chương trình thực hành tiết kiệm chống lãng phí trên địa bàn tỉnh báo cáo UBND tỉnh, Bộ Tài chính theo quy định.</p> | Báo cáo của UBND tỉnh   | Sở Tài chính                 | Các sở, ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố | Hàng năm              |
| 68         |   | <p><b>2.8. Hoạt động 8:</b><br/>Công khai số liệu dự toán NSĐP, phân bổ NS cấp tỉnh năm 2024</p>  | Quyết định của UBND tỉnh                                      | Sở Tài chính                 | Các sở, ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố | Năm 2023;<br>Năm 2024 |
| 69         | <p><b>1.4. Nhiệm vụ 4:</b><br/>Thực hiện công khai ngân sách</p>  | <p><b>2.9. Hoạt động 9:</b><br/>Công khai số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện dự toán NSĐP hàng quý, 6 tháng, 9 tháng, cả năm 2024</p>   | Công văn của Sở Tài chính                                     | Sở Tài chính                 | Các sở, ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố | Năm 2024              |
| <b>VII</b> | <b>XÂY DỰNG CHÍNH QUYỀN ĐIỆN TỬ, CHÍNH QUYỀN SỐ</b>   |   |   |                              |  |                       |
| 70         | <p><b>1.1. Nhiệm vụ 1:</b><br/>Tiếp tục duy trì kết nối, chia sẻ thông tin giữa Cổng dịch vụ công tỉnh với Cổng Dịch vụ công Quốc gia</p>   | <p><b>2.1. Hoạt động 1:</b><br/>Thực hiện duy trì kết nối, chia sẻ thông tin giữa Cổng dịch vụ công tỉnh với Cổng Dịch vụ công Quốc gia</p>   | Cổng dịch vụ công; Hệ thống một cửa điện tử của tỉnh; Báo cáo | Sở Thông tin và Truyền thông |  | Thường xuyên          |

|    |  |  |   |   |                                  |              |
|----|--|--|---|---|----------------------------------|--------------|
| 71 | <b>1.2. Nhiệm vụ 2:</b><br>Tiếp tục duy trì kết nối, chia sẻ thông tin giữa Cổng dịch vụ công tỉnh với Cổng Dịch vụ công Quốc gia  | <b>2.2. Hoạt động 2:</b><br>Thực hiện tích hợp các dịch vụ công trực tuyến của tỉnh lên Cổng dịch vụ công quốc gia theo lộ trình của Văn phòng Chính phủ | Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh; Báo cáo  | Văn phòng UBND tỉnh                               | Các sở, ban, ngành               | Thường xuyên |
| 72 | <b>1.3. Nhiệm vụ 3:</b><br>Triển khai nền tảng ứng dụng trên thiết bị di động hỗ trợ người dân, doanh nghiệp sử dụng các dịch vụ, tiện ích trong Chính phủ điện tử, Chính phủ số (trong đó có cung cấp dịch vụ công trực tuyến) đến với đông đảo người dân, doanh nghiệp   | <b>2.3. Hoạt động 3:</b><br>Hướng dẫn, tuyên truyền ứng dụng Công dân số đến người dân và doanh nghiệp   | Ứng dụng Công dân số  | Sở Thông tin và Truyền thông                      | Năm 2024                         |              |
|    |  | <b>2.4. Hoạt động 4:</b><br>Tích hợp Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh lên ứng dụng Công dân số  |   |   |                                  |              |
| 73 | <b>1.4. Nhiệm vụ 4:</b><br>Đưa các TTHC đủ điều kiện theo quy định của pháp luật được cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình  | <b>2.5. Hoạt động 5:</b><br>Rà soát các TTHC đủ điều kiện theo quy định của pháp luật cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình;                       | Quyết định  | Văn phòng UBND tỉnh; Sở Thông tin và Truyền thông | Các sở, ban, ngành               | Năm 2024     |
| 74 |  | <b>2.6. Hoạt động 6:</b><br>Tham mưu UBND tỉnh công bố danh mục DVC trực tuyến toàn trình và một phần  |   |   |                                  |              |
| 75 | <b>1.5. Nhiệm vụ 5:</b><br>Tổ chức triển khai Kế hoạch phát triển Hệ thống quản lý văn bản và điều hành đảm bảo kết nối, liên thông trao đổi văn bản điện tử qua tất cả các cấp chính quyền của tỉnh và kết nối với Trục liên thông văn bản quốc gia giai đoạn 2021 - 2025 | <b>2.7. Hoạt động 7 :</b><br>Tiếp tục duy trì việc sử dụng phần mềm quản lý văn bản và điều hành có hiệu quả   | Hệ thống quản lý văn bản và điều hành; Tỷ lệ trao đổi văn bản trên môi trường mạng            | Văn phòng UBND tỉnh                               | Các sở, ban, ngành; UBND các cấp | Thường xuyên |
| 76 | <b>1.6. Nhiệm vụ 6:</b><br>Triển khai xây dựng Kho quản lý dữ liệu điện tử của tổ chức, cá nhân trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh   | <b>2.8. Hoạt động 8:</b><br>Thực hiện xây dựng Kho quản lý dữ liệu điện tử của tổ chức, cá nhân trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh             | Kho quản lý dữ liệu điện tử của tổ chức, cá nhân trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh | Sở Thông tin và Truyền thông                      | Văn phòng UBND tỉnh              | Năm 2024     |

|    |   |  |  |                              |                                  |              |
|----|---|--|--|------------------------------|----------------------------------|--------------|
| 77 | <b>1.7. Nhiệm vụ 7:</b><br>Hướng dẫn, tập huấn người sử dụng trong việc nộp, tiếp nhận, giải quyết TTHC trên môi trường mạng  | <b>2.9. Hoạt động 9:</b><br>Tập huấn, hướng dẫn cán bộ, người dân về tạo, quản lý, sử dụng dữ liệu điện tử trong giải quyết TTHC trên môi trường mạng  | Các văn bản triển khai                       | Sở Thông tin và Truyền thông | Các sở, ban, ngành, địa phương   | Năm 2024     |
| 78 | <b>1.8. Nhiệm vụ 8:</b><br>Triển khai có hiệu quả hoạt động của Tổ Công nghệ số cộng đồng trên địa bàn tỉnh   | <b>2.10. Hoạt động 10:</b><br>Triển khai có hiệu quả hoạt động của Tổ Công nghệ số cộng đồng trên địa bàn tỉnh   | Kế hoạch, báo cáo                            | UBND cấp huyện               | Sở Thông tin và Truyền thông     | Thường xuyên |
| 79 | <b>1.9. Nhiệm vụ 9:</b><br>Tăng cường đẩy mạnh gửi, nhận báo cáo và văn bản hành chính trên môi trường điện tử  | <b>2.11. Hoạt động 11:</b><br>Các Sở, Ban, Ngành, địa phương đẩy mạnh gửi, nhận văn bản điện tử giữa cơ quan, đơn vị trong tỉnh  | Báo cáo                                      | Văn phòng UBND tỉnh          | Các sở, ban, ngành; UBND các cấp | Thường xuyên |
| 80 | <b>1.10. Nhiệm vụ 10:</b><br>Tiếp tục triển khai hệ thống nền tảng kết nối tích hợp, chia sẻ dữ liệu dùng chung của tỉnh (LGSP)   | <b>2.12. Hoạt động 12:</b> Duy trì và phát triển nền tảng kết nối tích hợp, chia sẻ dữ liệu dùng chung của tỉnh  | Trục LGSP của tỉnh; Các văn bản có liên quan | Sở Thông tin và Truyền thông |                                  | Thường xuyên |
| 81 | <b>2.11. Nhiệm vụ 11:</b><br>Xây dựng và hoàn thiện các cơ sở dữ liệu dùng chung cấp tỉnh   | <b>2.13. Hoạt động 13:</b> Xây dựng và hoàn thiện các cơ sở dữ liệu dùng chung cấp tỉnh  | Báo cáo                                      | Các sở, ban, ngành           | Sở Thông tin và Truyền thông     | Năm 2024     |
| 82 | <b>1.12. Nhiệm vụ 12:</b><br>Thực hiện kết nối liên thông các hệ thống thông tin của các sở, ban, ngành có hệ thống cơ sở dữ liệu dùng chung cấp tỉnh thông qua nền tảng tích hợp và chia sẻ dữ liệu dùng chung LGSP của tỉnh | <b>2.14. Hoạt động 14:</b><br>Thực hiện kết nối liên thông các hệ thống thông tin của các sở, ban, ngành có hệ thống cơ sở dữ liệu dùng chung cấp tỉnh thông qua nền tảng tích hợp và chia sẻ dữ liệu dùng chung LGSP của tỉnh | Trục LGSP của tỉnh; Báo cáo                  | Các sở, ban, ngành           | Sở Thông tin và Truyền thông     | Thường xuyên |
| 83 | <b>1.13. Nhiệm vụ 13:</b><br>Hoàn thiện Cổng thông tin điện tử của tỉnh đáp ứng yêu cầu chức năng, tính năng kỹ thuật theo quy định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông          | <b>2.15. Hoạt động 15:</b><br>Hoàn thiện Cổng thông tin điện tử của tỉnh đáp ứng yêu cầu chức năng, tính năng kỹ thuật theo quy định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và hướng dẫn của Bộ Thông tin và TT                    | Cổng thông tin điện tử tỉnh                  | Sở Thông tin và Truyền thông | Các sở, ban, ngành, địa phương   | Năm 2024     |



